

Số: 08/2025/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 10 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 05/TTr-SDTTG ngày 10 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Công an tỉnh;
- Phó Chánh VP.UBND tỉnh (NC);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Nội chính, VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Ng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8...../2025/QĐ-UBND
ngày .10. tháng .3... năm 2025 của UBND tỉnh Yên Bái)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: công tác dân tộc, công tác tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nghị quyết, dự án, đề án theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách dân tộc, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án chính sách khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở.

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị, chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở hoặc theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng cho Sở Dân tộc và Tôn giáo và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

g) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lĩnh vực dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

3. Về công tác dân tộc

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ban hành chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các chính sách đầu tư, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách, dự án hỗ trợ người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn; các chính sách, dự án bảo tồn và phát triển đối với các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút, tăng cường cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, chính sách đặc thù đối với cán bộ, công chức trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc; chính sách để đồng bào dân tộc thực hiện quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phong tục tập quán, truyền thống, văn hóa của dân tộc mình; chính sách đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo đáp ứng công tác giáo dục, đào tạo cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai, rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, danh mục phân định các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển; tiêu chí xác định các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

d) Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan trong việc lập kế hoạch phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn lực khác cho cấp huyện, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đề xuất và tham gia thẩm định các chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện;

tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa đại biểu dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các sự kiện khác liên quan đến công tác dân tộc nhằm tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

e) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan điều tra, khảo sát, nghiên cứu, tổng hợp về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc.

4. Về Tín ngưỡng, tôn giáo

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

c) Làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo trong tỉnh, trong nước và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo; thúc đẩy tăng cường khối đại đoàn kết trong cộng đồng các tôn giáo ở Việt Nam.

d) Hướng dẫn các cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

e) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng những điển hình tiên tiến là tập thể, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng và áp dụng chế độ, chính sách đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án, đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, quyết định, chỉ thị đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

7. Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ và đột xuất theo quy định; đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; rà soát, đôn đốc việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở các sở, ban, ngành, địa phương; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách dân tộc, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

9. Tổ chức tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng người có tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức, cá nhân tôn giáo thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức, cá nhân, sự bình đẳng giữa các tôn giáo theo quy định của pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án tăng cường công tác truyền thông, đưa thông tin về cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Ứng dụng khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các hoạt động thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trong và ngoài phạm vi của Sở.

11. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật; thu hút nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; quản lý, chỉ đạo hoặc tham gia thực hiện các chương trình, dự án do nước ngoài, tổ chức quốc tế tài trợ, đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật.

12. Triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam do Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành.

13. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

14. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở các sở, ngành liên quan và các địa phương, đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác dân tộc, tín ngưỡng,

tôn giáo và đồng bào dân tộc thiểu số, người có tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

15. Tiếp đón, thăm hỏi và phối hợp với các sở, ngành, địa phương giải quyết nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, người có tín ngưỡng, tôn giáo theo chế độ, chính sách và quy định của pháp luật.

16. Bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở và theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, công khai các loại thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; thực hiện các nhiệm vụ khác về cải cách hành chính theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện các dịch vụ công (nếu có) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người lao động, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động thuộc Sở theo phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của tỉnh.

20. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; phối hợp với Sở Tài chính lập, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách theo lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của sở để trình Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý, tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Lãnh đạo Sở

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo có Giám đốc và các Phó Giám đốc theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

2. Giám đốc là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Sở Dân tộc và Tôn giáo, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn

giáo; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý cán bộ, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công. Khi Giám đốc vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm thay Giám đốc điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp về quản lý công tác cán bộ, theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ do Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định.

5. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo gồm:

- Văn phòng (giữ nguyên);
- Phòng Nghiệp vụ chính sách dân tộc: Trên cơ sở hợp nhất phòng nghiệp vụ và phòng Chính sách tuyên truyền;
- Phòng Tôn giáo: Trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng từ Sở Nội vụ.

Việc bổ nhiệm số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành.

2. Về biên chế

a) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Dân tộc và Tôn giáo được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng người làm việc, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý ngành, lĩnh vực trong cả nước. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm báo cáo về tình hình hoạt động, công tác chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 6. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu sự chỉ đạo trực tiếp và quản lý về tổ chức, biên chế và toàn bộ hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm báo cáo theo quy định và tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác do Sở Dân tộc và Tôn giáo phụ trách trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm là cầu nối giữa Bộ Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phối hợp để tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, thống nhất nội dung, biện pháp thực hiện, hướng dẫn chỉ đạo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc tại địa phương.

Điều 7. Đối với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Dân tộc và Tôn giáo, bộ phận làm công tác dân tộc và tôn giáo ở cấp huyện

1. Đối với các Sở, Ban, Ngành

Mối quan hệ giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với các sở, ban, ngành là mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có liên quan đến các Sở, ban, ngành để thực hiện và ngược lại, Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm phối hợp thực hiện, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở cho các Sở, Ban, Ngành khi có đề nghị của các Sở, Ban, Ngành hoặc yêu cầu của cấp trên.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Dân tộc và Tôn giáo, bộ phận làm công tác dân tộc và tôn giáo ở cấp huyện

Mối quan hệ giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện là mối quan hệ phối hợp trong tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên địa bàn huyện; Phối hợp trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Dân tộc và Tôn giáo, bộ phận làm công tác dân tộc và tôn giáo ở cấp huyện và các lĩnh vực công tác thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Phòng Dân tộc và tôn giáo, bộ phận làm công tác dân tộc và tôn giáo ở cấp huyện.

2. Căn cứ quy định này, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo chỉ đạo việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở; rà soát để xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo. Bố trí sắp xếp công chức phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của pháp luật; xây dựng Quy chế làm việc của Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện hiệu quả các nội dung trong quy định này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh quy định

Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc có văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước cấp trên điều chỉnh về lĩnh vực này. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh./.